

Số: 2548 /QĐ-ĐHYD

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 08 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định mức thu học phí đại học năm học 2018-2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 07 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại Học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1072 /QĐ-ĐHH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Đại học Huế về việc quy định mức thu học phí, miễn giảm học phí và thanh toán nội bộ trong Đại học Huế từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu học phí đào tạo năm học 2018-2019 đối với sinh viên đại học tại Trường Đại học Y Dược, Đại Học Huế.

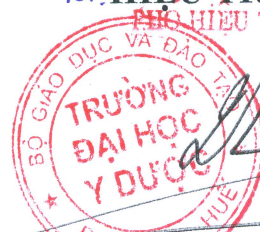
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong năm học 2018-2019.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng: Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo Đại học, Công tác sinh viên, sinh viên các lớp đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu ;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHTC

KT. HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

QUY ĐỊNH

Về việc mức thu học phí đào tạo đại học năm học 2018-2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2548/QĐ-ĐHYD ngày 13 tháng 8 năm 2018)

I. Đối tượng áp dụng

- Áp dụng cho tất cả sinh viên hệ chính quy, hệ liên thông chính quy, hệ liên thông vừa làm vừa học các ngành đào tạo tại Trường Đại học Y Dược Huế.

- Đối với các loại hình đào tạo đại học theo địa chỉ sử dụng của các tỉnh có văn bản thoả thuận, hợp đồng quy định mức thu cụ thể riêng.

II. Mức thu học phí, kinh phí đào tạo

Stt	Đối tượng thu học phí đào tạo	Mức thu học phí năm học 2018-2019
A	Các ngành đào tạo theo niên chế	
I	Các ngành Y đa khoa, Răng hàm mặt, Y học cổ truyền, Dược học (Đối với sinh viên từ năm 5 trở lên)	11.800.000
II	Dự bị đại học	6.480.000
B	Các ngành đào tạo theo tín chỉ	
I	Đào tạo hệ đại học chính quy	
1	Y đa khoa (355.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 27 tín chỉ	9.585.000
-	Năm 2 : 32 tín chỉ	11.360.000
-	Năm 3 : 37 tín chỉ	13.135.000
-	Năm 4 : 35 tín chỉ	12.425.000
2	Răng hàm mặt (355.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 28 tín chỉ	9.940.000
-	Năm 2 : 35 tín chỉ	12.425.000
-	Năm 3 : 35 tín chỉ	12.425.000
-	Năm 4 : 35 tín chỉ	12.425.000
3	Y học cổ truyền (355.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 28 tín chỉ	9.940.000
-	Năm 2 : 34 tín chỉ	12.070.000
-	Năm 3 : 32 tín chỉ	11.360.000
-	Năm 4 : 34 tín chỉ	12.070.000

Stt	Đối tượng thu học phí đào tạo	Mức thu học phí năm học 2018-2019
4	Dược (365.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 27 tín chỉ	9.855.000
-	Năm 2 : 34 tín chỉ	12.410.000
-	Năm 3 : 36 tín chỉ	13.140.000
-	Năm 4 : 31 tín chỉ	11.315.000
5	Điều dưỡng (335.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 32 tín chỉ	10.720.000
-	Năm 2 : 36 tín chỉ	12.060.000
-	Năm 3 : 36 tín chỉ	12.060.000
-	Năm 4 : 31 tín chỉ	10.385.000
6	Xét nghiệm y học (335.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 26 tín chỉ	8.710.000
-	Năm 2 : 38 tín chỉ	12.730.000
-	Năm 3 : 36 tín chỉ	12.060.000
-	Năm 4 : 35 tín chỉ	11.725.000
7	Kỹ thuật hình ảnh (335.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 26 tín chỉ	8.710.000
-	Năm 2 : 37 tín chỉ	12.395.000
-	Năm 3 : 36 tín chỉ	12.060.000
-	Năm 4 : 36 tín chỉ	12.060.000
8	Y học dự phòng (360.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 27 tín chỉ	9.720.000
-	Năm 2 : 36 tín chỉ	12.960.000
-	Năm 3 : 36 tín chỉ	12.960.000
-	Năm 4 : 30 tín chỉ	10.800.000
-	Năm 5 : 29 tín chỉ	10.440.000
-	Năm 6 : 30 tín chỉ	10.800.000
9	Y tế công cộng (355.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 29 tín chỉ	10.295.000
-	Năm 2 : 36 tín chỉ	12.780.000
-	Năm 3 : 32 tín chỉ	11.360.000
-	Năm 4 : 30 tín chỉ	10.650.000

Stt	Đối tượng thu học phí đào tạo	Mức thu học phí năm học 2018-2019
II	Đào tạo hệ liên thông chính quy từ Cao đẳng lên Đại học	
1	Điều dưỡng (442.500 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 28 tín chỉ	12.390.000
-	Năm 2 : 12 tín chỉ	5.310.000
2	Xét nghiệm y học (442.500 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 25 tín chỉ	11.062.500
3	Kỹ thuật hình ảnh (442.500 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 25 tín chỉ	11.062.500
4	Dược (442.500 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 29 tín chỉ	12.832.500
III	Đào tạo hệ liên thông vừa làm vừa học từ Cao đẳng lên Đại học	
1	Xét nghiệm y học (531.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 21 tín chỉ	11.151.000
2	Kỹ thuật hình ảnh (531.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 20 tín chỉ	10.620.000
3	Điều dưỡng (531.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 1 : 20 tín chỉ	10.620.000
-	Năm 2 : 20 tín chỉ	10.620.000
IV	Đào tạo hệ liên thông chính quy 4 năm	
1	Y đa khoa (340.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 2 : 35 tín chỉ	11.900.000
-	Năm 3 : 38 tín chỉ	12.920.000
-	Năm 4 : 37 tín chỉ	12.580.000
2	Y học cổ truyền (340.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 2 : 39 tín chỉ	13.260.000
-	Năm 3 : 38 tín chỉ	12.920.000
-	Năm 4 : 36 tín chỉ	12.240.000
3	Y học dự phòng (340.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 2 : 37 tín chỉ	12.580.000
-	Năm 3 : 36 tín chỉ	12.240.000
-	Năm 4 : 35 tín chỉ	11.900.000
4	Dược (340.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 2 : 38 tín chỉ	12.920.000

Stt	Đối tượng thu học phí đào tạo	Mức thu học phí năm học 2018-2019
-	Năm 3 : 38 tín chỉ	12.920.000
-	Năm 4 : 35 tín chỉ	11.220.000
V	Đào tạo hệ liên thông vừa làm vừa học	
1	Các ngành Điều dưỡng : ĐDDK ,ĐDGMHS, ĐDPS (457.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 2 : 24 tín chỉ	10.968.000
-	Năm 3 :	
+	Ngành ĐDDK : 23 tín chỉ	10.511.000
+	Ngành ĐDGMHS : 22 tín chỉ	10.054.000
+	Ngành ĐDPS : 24 tín chỉ	10.968.000
-	Năm 4 :	
+	Ngành ĐDDK : 24 tín chỉ	10.968.000
+	Ngành ĐDGMHS : 25 tín chỉ	11.425.000
+	Ngành ĐDPS : 23 tín chỉ	10.511.000
2	Xét nghiệm y học (457.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 2 : 25 tín chỉ	11.425.000
-	Năm 3 : 23 tín chỉ	10.511.000
-	Năm 4 : 23 tín chỉ	10.511.000
3	Kỹ thuật hình ảnh (457.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 2 : 23 tín chỉ	10.511.000
-	Năm 3 : 22 tín chỉ	10.054.000
-	Năm 4 : 24 tín chỉ	10.968.000
4	Y tế công cộng (457.000 đồng/ Tín chỉ)	
-	Năm 2 : 24 tín chỉ	10.968.000
-	Năm 3 : 40 tín chỉ	18.280.000
-	Năm 4 : 23 tín chỉ	10.511.000

* Đối với các ngành đào tạo theo tín chỉ hệ đại học chính quy:

- Mức thu học phí quy định ở trên chưa bao gồm mức thu chứng chỉ Giáo dục thể chất, Quốc phòng và Ngoại ngữ cơ bản.
- Học phí chứng chỉ Giáo dục thể chất, Quốc phòng và Ngoại ngữ cơ bản được thực hiện theo Quyết định Số 1072/QĐ-ĐHH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Giám đốc Đại học Huế.

III. Miễn giảm học phí

Thực hiện theo Quyết định 1072/QĐ-ĐHH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Giám đốc Đại học Huế về việc quy định mức thu học phí, miễn giảm học phí và thanh toán nội bộ trong Đại học Huế từ năm 2016-2017 đến năm học 2020-2021.

IV. Thời gian, địa điểm đóng học phí

1. Thời gian nộp học phí

Sinh viên có thể tự nguyện đóng học phí cả năm học 2018-2019 hoặc chia làm 2 học kỳ.

- Học phí học kỳ I : vào 2 tuần đầu tiên (từ ngày 03/09/2018 đến 17/09/2018)

- Học phí học kỳ II : vào 2 tuần đầu tiên (từ ngày 25/02/2019 đến 11/03/2019)

Đối với sinh viên năm thứ nhất, thời gian nộp học phí theo giấy triệu tập trúng tuyển nhập học.

2. Địa điểm nộp học phí

- Phòng Kế hoạch Tài chính (Tầng 1 Khu nhà Hành chính 2A)

- Điện thoại: 0234.3822173 - Số nội bộ:1036

Quy định này được áp dụng trong năm học 2018-2019. Đề nghị các phòng chức năng liên quan, ban cán sự các lớp và sinh viên thực hiện nghiêm túc quy định này.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Phòng ĐTDH;
- Phòng CTSV;
- Các lớp trưởng;
- Lưu: VT, KHTC

KI. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy